

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2017
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Kim Phượng

2. Ông Nguyễn Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà: **Phan Thị Mười N**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, Kp P, phường An L, thị xã B, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở hiện nay: Ấp B 2, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh P**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, Kp P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 05/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Mười N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Huỳnh Thanh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến ngày 07/6/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông P

thường xuyên nhậu, say xỉn chửi vợ con và có lúc đánh bà. Từ tháng 9/2016 bà đã về nhà mẹ ruột ở tỉnh An Giang sống ly thân với ông P cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

- *Về con chung*: Bà và ông P có 01 con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 07/4/2007. Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà không có mang thai

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nay do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

*** Phần trình bày của bị đơn ông Huỳnh Thanh P:**

Tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 21/6/2017 ông P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng, về con chung. Ông cũng thống nhất cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 9/2016 ông và bà N đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con.

Trong trường hợp, Tòa án xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc cho bà N ly hôn với ông thì ông có nguyện vọng được nuôi con, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Phan Thị Mười N được ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Thanh P và giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Phan Thị Mười N (Sau đây gọi tắt là bà N) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Thanh P (Sau đây gọi tắt là ông P) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông P hiện đang cư trú tại tổ 4, Kp Phú Cường, phường An Lộc, thị xã B, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B. Quá trình giải quyết vụ án, ông P có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 đến ngày 07/6/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn của bà N và ông P là đúng theo quy định tại Điều 9 và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Bà N và ông P đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Tại bản tự khai ngày 09/5/2017 cháu Huỳnh Thị Diễm T là con của bà N và ông P trình bày: “Ba mẹ thường xuyên cãi nhau to tiếng, có lúc ba đánh mẹ, kẻ dao vào cổ mẹ đe dọa. Khi mẹ về nhà ngoại sống ba có xuống tìm mẹ và đánh mẹ”. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B tại khu phố P, phường An Lộc, thị xã B, tỉnh Bình Phước thể hiện: Quá trình chung sống bà N và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, ông P thường đánh bà N. Bà N đã từng về quê sống ly thân với ông P sau đó chung sống lại với nhau đến cuối năm 2016 bà N và ông P tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, bà N đã về nhà mẹ ruột sống ly thân với ông P cho đến nay. Nội dung lời khai của cháu T và Biên bản xác minh ngày 05/9/2017 phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà N và bị đơn ông P.

[4] *Về hòa giải đoàn tụ*: Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà N cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia

đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà N vẫn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông P.

[5] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, thời gian bà N và ông P sống ly thân đã kéo dài nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm, bà N xác định không còn tình cảm và không thể trở lại sống chung với ông P. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông P mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà N đối với bị đơn ông P.

[6] *Về con chung*: Bà N và ông P có 01 con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 07/4/2007. Bà N và ông P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy. Từ khi bà N và ông P sống ly thân với nhau từ tháng 9/2016 thì cháu T trực tiếp sống cùng bà N tại Ấp B 2, xã B, huyện P, tỉnh An Giang cho đến nay. Hiện nay cháu T đang học lớp 5 tại trường tiểu học A ở huyện P, tỉnh An Giang. Tại bản tự khai ngày 09/5/2017 cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Đồng thời cháu T là con gái đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần có mẹ để hướng dẫn, giúp cháu trong gia đoạn phát triển này. Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 21/6/2017 ông P trình bày: Ông làm nghề tài xế lái xe tải thời gian làm việc rất thất thường, những hôm có hàng ông phải đi làm từ 4 giờ sáng đến ngày hôm sau mới về nhà, ông không có thời gian để chăm sóc con. Do đó, cần giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định, học tập và phát triển mọi mặt của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử cho bà N được ly hôn với ông P và giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, nguyên đơn bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Mười N.

Bà Phan thị Mười N, sinh năm: 1987 được ly hôn với ông Huỳnh Thanh P, sinh năm: 1991.

Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 07/4/2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Mười N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003748 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ông Huỳnh Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã T, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đức